TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 3- 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Hiển
Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân Hện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt)
- *Bị đơn:* Anh Bùi Tuấn K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp PH, xã NC, Hện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị L và anh Bùi Tuấn K chung sống vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với gia đình anh K. Quá trình chung sống giữa anh chị nhiều lần cãi nhau vì mâu thuẫn trong tính cách, nhiều lần vợ chồng tự hoà giải nhưng không được. Nay chị L xin ly hôn anh K.
- *Về con chung:* Bùi Thảo V (nữ), sinh năm 2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu toà án giải quyết và Bùi Khang H, sinh ngày 11/12/2008 có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.
- *Về tài sản chung:* Tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết.
- *Về nợ người khác và người khác nợ lại:* Không có.

** Bị đơn anh Bùi Tuấn K trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh chị tổ chức đám cưới vào ngày 21-22 tháng 12 năm 2003, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh chị sống bên gia đình anh K, quá trình chung sống anh chị xãy ra mâu thuẫn trong tính

cách giữa hai bên và ly thân gần 7 năm. Nay chị L xin ly hôn, anh K không muốn ly hôn nhưng nếu chị L cương quyết thì anh K đồng ý.

- *Về con chung:* Bùi Thảo V, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu toà án giải quyết, Bùi Khang H, sinh năm 2008 có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng. Trường hợp con có nguyện vọng sống với chị L thì chị L nuôi.

- *Về tài sản chung:* Tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Tuấn K có yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Tuấn K kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị L có yêu cầu ly hôn, anh K đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định *"Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng..."*. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Bùi Thảo V đã trưởng thành, chị L và anh K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết việc nuôi con, Bùi Khang H đang do anh K nuôi dưỡng, cháu H có nguyện vọng được sống với chị L, anh K cũng đồng ý. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng chị L không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại: Anh chị xác định tài sản chung tự thoả thuận, nợ không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các điều 15, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị L và anh Bùi Tuấn K là vợ chồng.

2. 2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Bùi Khang H (nam), sinh ngày 11/12/2008 cho chị Bùi Thị L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Buộc anh Bùi Tuấn K phải giao Bùi Khang H cho chị Bùi Thị L nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Anh Bùi Tuấn K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000692 ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung